

Số: 1477235

|                                                | Peugeot 408 Allure    | Kia Sorento - 2.5G Signature (6 chỗ) Nội thất nâu |
|------------------------------------------------|-----------------------|---------------------------------------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                           | <b>1.019.000.000đ</b> | <b>1.099.000.000đ</b>                             |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>                |                       |                                                   |
| Kích thước tổng thể (mm)                       | 4687 x 1850 x 1510    | 4810 x 1900 x 1700                                |
| Chiều dài cơ sở (mm)                           | 2787                  | 2815                                              |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                        | 189                   | 176                                               |
| Khối lượng không tải (kg)                      | 1430                  | 1790   1820                                       |
| Khối lượng toàn tải (kg)                       | 1880                  | 2330   2450                                       |
| Thể tích khoang hành lý (L)                    | 536                   | 357                                               |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)                 | 52                    | 67                                                |
| Số chỗ ngồi                                    | 5                     | 6                                                 |
| Nguồn gốc                                      | SX-LR trong nước      | SX-LR trong nước                                  |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>                   |                       |                                                   |
| Loại động cơ                                   | 1,6 Turbo PureTech    | Smartstream G2.5                                  |
| Dung tích xi lanh (cc)                         | 1598                  | 2497                                              |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)                   | 218 / 5500            | 177 / 6000                                        |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)                  | 300 / 2000            | 232 / 4000                                        |
| Hộp số                                         | 8AT                   | 6AT                                               |
| Hệ thống dẫn động                              | Cầu trước (FWD)       | 2 cầu (AWD)                                       |
| Hệ thống treo trước                            | Độc Lập Mac Pherson   | McPherson                                         |
| Hệ thống treo sau                              | Bán Độc Lập           | Liên kết đa điểm                                  |
| Hệ thống phanh trước                           | Đĩa                   | Đĩa                                               |
| Hệ thống phanh sau                             | Đĩa                   | Đĩa                                               |
| Thông số lốp xe                                | 225/55 R18            | 235/55 R19                                        |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)           | 9.74                  | 10.6                                              |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km)     | 6.31                  | 7.15                                              |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)          | 7.59                  | 8.45                                              |
| Hệ thống dừng/Khởi động động cơ thông minh     | -                     |                                                   |
| Chế độ lái                                     | Eco/Normal/Sport      | Comfort/Eco/Sport/Smart                           |
| Chế độ địa hình                                | -                     |                                                   |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                             |                       |                                                   |
| Cụm đèn trước                                  | Xenon                 | LED Projector                                     |
| Đèn trước tự động bật/tắt                      | ●                     |                                                   |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần           | -                     | ●                                                 |
| Đèn trước chức năng tự động cân bằng góc chiếu | -                     |                                                   |
| Đèn trước mở rộng góc chiếu                    | ●                     |                                                   |
| Đèn ban ngày LED                               | ●                     | ●                                                 |
| Đèn sương mù                                   | Halogen Projector     | LED                                               |
| Cụm đèn sau                                    | Halogen               | LED                                               |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện           | ●                     | ●                                                 |
| Gạt mưa tự động                                | ●                     | ●                                                 |
| Cửa sổ trời                                    | ●                     | ●                                                 |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>                   |                       |                                                   |

|                                                 |                                                           |                                              |
|-------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|----------------------------------------------|
| Vô lăng bọc da                                  | ●                                                         | ●                                            |
| Chất liệu ghế                                   | Da                                                        | Da (nâu)                                     |
| Ghế người lái chỉnh cơ                          | -                                                         |                                              |
| Ghế người lái chỉnh điện                        | ●                                                         | ●                                            |
| Ghế người lái có nhớ vị trí                     | -                                                         | ●                                            |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ              | -                                                         |                                              |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh điện            | ●                                                         | ●                                            |
| Hàng ghế trước có tính năng làm mát             | -                                                         | ●                                            |
| Hàng ghế trước có tính năng sưởi                | ●                                                         | ● (+ sưởi hàng ghế 2, vô lăng)               |
| Hàng ghế trước có tính năng massage             | ●                                                         |                                              |
| Tính năng cửa hít                               | -                                                         |                                              |
| Kính cửa sổ chỉnh điện                          | ●                                                         | ●                                            |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin                   | Analog                                                    | 12.3"                                        |
| Màn hình HUD                                    | ●                                                         | ●                                            |
| Màn hình giải trí trung tâm                     | AVN 7                                                     | AVN 10.25"                                   |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto              | ●                                                         | ●                                            |
| Hệ thống điều hòa tự động                       | ●                                                         | ●                                            |
| Số vùng khí hậu điều hòa                        | 2                                                         | 2 vùng                                       |
| Cửa gió cho hàng ghế sau                        | ●                                                         | ●                                            |
| Chìa khóa thông minh                            | ●                                                         | ●                                            |
| Khởi động nút bấm                               | ●                                                         | ●                                            |
| Khởi động từ xa                                 | -                                                         | ●                                            |
| Lấy chuyển số                                   | ●                                                         |                                              |
| Sạc không dây Qi                                | ●                                                         | ●                                            |
| Phanh đỗ điện tử                                | -                                                         | ●                                            |
| Giữ phanh tự động Autohold                      | -                                                         | ●                                            |
| Đèn trang trí nội thất                          | ●                                                         | ●                                            |
| Rèm che nắng                                    | ●                                                         | ●                                            |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX                      | ●                                                         | -                                            |
| Trang bị khác                                   | Hàng ghế 2: Chỉnh điện, sưởi, làm mát, massage, bệ đỡ đùi |                                              |
| <b>AN TOÀN:</b>                                 |                                                           |                                              |
| Số túi khí                                      | 6                                                         | 6                                            |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS                | ●                                                         | ●                                            |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD                | ●                                                         | ●                                            |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA               | ●                                                         |                                              |
| Hệ thống cảnh báo phanh khẩn cấp ESS            | -                                                         |                                              |
| Hệ thống cân bằng điện tử                       | ●                                                         | ●                                            |
| Hệ thống kiểm soát lực kéo chống trượt TCS      | ●                                                         |                                              |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA         | ●                                                         | ●                                            |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                           | Trước & sau                                               | Trước & Sau                                  |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù                       | ●                                                         | ● (+ hỗ trợ tránh va chạm, hiển thị điểm mù) |
| Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang khi lùi | -                                                         |                                              |
| Hệ thống cảnh báo lệch làn đường                | ●                                                         |                                              |
| Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường                   | -                                                         | ●                                            |

|                                          |   |            |
|------------------------------------------|---|------------|
| Hệ thống hỗ trợ phanh chủ động           | - | ●          |
| Hệ thống điều khiển hành trình           | - |            |
| Hệ thống điều khiển hành trình thích ứng | - | ●          |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp            | ● | ●          |
| Camera lùi                               | ● | Camera 360 |